

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018*  
*đã được kiểm toán*

M.S.C.

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>5 - 46</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con trong năm tài hiện tại bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, các loại cột điện và dầm cầu phục vụ giao thông;
- Sản xuất các cấu kiện thép và bê tông cốt thép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Nguyễn Duy Hiếu	Ủy viên;	
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên;	
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên;	
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/11/2018
Bà Đỗ Thị Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05/11/2018
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 30/7/2018
Ông Ngô Văn Hán	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 30/7/2018

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Trưởng phòng tài chính kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Phụ trách phòng Tài chính Kế toán;	Bổ nhiệm ngày 01/11/2018
Ông Mai Văn Như	Trưởng phòng Tài chính Kế toán;	Bổ nhiệm ngày 01/8/2018
Ông Mai Văn Như	Trưởng phòng Tài chính Kế toán;	Miễn nhiệm ngày 01/11/2018
Ông Ngô Văn Hán	Trưởng phòng Tài chính Kế toán.	Miễn nhiệm ngày 30/7/2018



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Văn Hữu**



Số : 120/2019/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2019-152-1

Kiểm toán viên



Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.314.863.727.333</b>	<b>2.294.325.451.906</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>10.660.835.679</b>	<b>42.925.058.565</b>
1.	Tiền	111	V.01	10.660.835.679	38.925.058.565
2.	Các khoản tương đương tiền	112		0	4.000.000.000
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		350.000.000	350.000.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>240.385.657.039</b>	<b>686.172.493.380</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	203.453.530.496	566.091.010.894
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.928.430.092	83.955.851.835
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	0	25.067.500.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	13.777.215.249	15.832.149.449
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(1.773.518.798)	(4.774.018.798)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>1.052.344.892.873</b>	<b>1.546.713.022.115</b>
1.	Hàng tồn kho	141		1.061.050.391.004	1.548.223.280.707
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.705.498.131)	(1.510.258.592)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.122.341.742</b>	<b>18.164.877.846</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	6.258.246.580	5.309.628.084
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.827.695.471	12.840.604.556
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	36.399.691	14.645.206
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>386.840.704.655</b>	<b>430.341.740.440</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	0	0
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	0	0
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>283.206.246.782</b>	<b>321.171.493.683</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	232.722.080.116	270.751.493.683
	- Nguyên giá	222		383.748.410.168	418.040.177.125
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(151.026.330.052)	(147.288.683.442)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50.484.166.666	50.420.000.000
	- Nguyên giá	228		50.655.939.000	50.578.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.772.334)	(158.939.000)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>0</b>	<b>4.666.938.836</b>
1.	Nguyên giá	231		0	7.938.225.549
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	(3.271.286.713)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.08</b>	<b>70.657.542.604</b>	<b>69.077.857.182</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		70.657.542.604	69.077.857.182
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>1.408.467.514</b>	<b>500.605.100</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.407.983.014	0
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.073.530	501.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(589.030)	(468.430)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.568.447.755</b>	<b>34.924.845.639</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	22.570.566.016	23.700.433.340
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	314.817.706	804.735.460
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5.	Lợi thế thương mại	269	V.14	8.683.064.033	10.419.676.839
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.701.704.431.988</b>	<b>2.724.667.192.346</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.298.685.571.085</b>	<b>2.285.843.019.279</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.213.710.858.585</b>	<b>2.178.345.098.413</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	133.932.244.292	415.510.194.275
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		76.861.506.644	132.712.161.276
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	20.542.928.732	12.926.492.544
4.	Phải trả người lao động	314		3.309.632.520	8.379.154.350
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	10.398.768.814	9.073.334.269
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20	1.574.088.528	0
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	12.119.018.263	11.641.405.181
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	952.614.631.733	1.584.889.079.488
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.358.039.059	3.213.277.030
13.	Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.974.712.500</b>	<b>107.497.920.866</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.16	0	0
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.18	0	0
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20	0	0
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.19	16.610.400.000	17.545.934.500
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	68.364.312.500	89.951.986.366
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		0	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

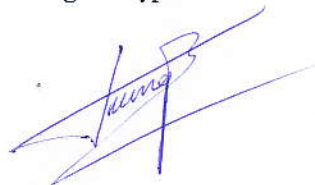
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>403.018.860.903</b>	<b>438.824.173.067</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>403.018.860.903</b>	<b>438.824.173.067</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	372.876.800.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		360.727.624	956.560.833
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.016.668.608	16.935.954.539
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.961.638.009	18.075.495.786
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		18.795.564.910	9.237.876.876
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.166.073.099	8.837.618.910
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
13.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.000.789.922	38.177.125.169
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Nguồn kinh phí	431		0	0
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.701.704.431.988</b>	<b>2.724.667.192.346</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Nghĩa Trung

Phụ trách phòng  
Tài chính Kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung



Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.281.719.388.911	2.336.735.631.938
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.727.273	398.969.091
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.281.716.661.638	2.336.336.662.847
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.118.288.740.620	2.092.039.509.216
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		163.427.921.018	244.297.153.631
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	68.011.436.577	4.190.419.138
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	125.668.559.550	128.547.985.407
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		113.265.170.366	123.511.195.320
8.	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(87.201.692)	0
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	43.773.840.831	59.286.711.705
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	55.414.784.064	54.753.804.619
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.494.971.458	5.899.071.038
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	4.010.001.858	10.585.179.794
13.	Chi phí khác	32	VI.07	6.658.719.120	1.001.411.088
14.	Lợi nhuận khác	40		(2.648.717.262)	9.583.768.706
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.846.254.196	15.482.839.744
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.155.713.341	4.869.353.708
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	489.917.754	(720.387.818)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.200.623.101	11.333.873.854
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.166.073.099	8.837.618.910
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.550.002	2.496.254.944
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	32	240
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	32	240

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Nghĩa Trung

Phụ trách phòng  
Tài chính Kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.503.317.592.177	2.044.702.406.258
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(724.710.907.192)	(1.840.155.810.689)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(86.616.456.167)	(94.368.657.922)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(114.732.093.069)	(121.131.780.397)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(3.166.847.234)	(14.670.797.433)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.042.416.690	88.638.941.763
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(124.334.410.117)	(385.285.055.359)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>454.799.295.088</b>	<b>(322.270.753.779)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.939.220.098)	(99.116.669.187)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		164.145.455	9.252.590.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(81.059.000.000)	(26.520.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		106.126.500.000	14.648.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.450.000.000)	0
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		105.428.163.512	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.166.309.494	2.626.177.715
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>129.436.898.363</b>	<b>(99.109.900.563)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

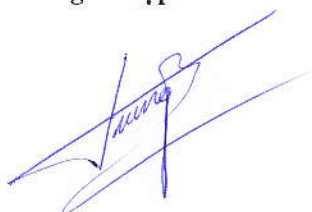
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.200.000.000	0
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.607.509.378.045	2.530.302.053.516
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.222.153.319.482)	(2.080.095.863.955)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.056.394.600)	(444.379.400)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(616.500.336.037)</b>	<b>449.761.810.161</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(32.264.142.586)</b>	<b>28.381.155.819</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>42.925.058.565</b>	<b>14.504.936.934</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(80.300)	38.965.812
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>10.660.835.679</b>	<b>42.925.058.565</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Nghĩa Trung

Phụ trách phòng  
Tài chính Kế toán



Nguyễn Nghĩa Trung

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2018

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con là sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty mẹ và công ty con trong năm tài chính hiện tại bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, các loại cột điện và dầm cầu phục vụ giao thông;
- Sản xuất các cấu kiện thép và bê tông cốt thép;

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với hoạt động sản xuất, lắp ráp xe ô tô các loại của Công ty khoảng từ 04 tháng đến 06 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của các hoạt động khác của Công ty mẹ và Công ty con là dưới 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách Công ty con được hợp nhất gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 (*)	Số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	-	-	54,06%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tổ dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	89,28%	89,28%	89,28%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 (*)	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	30%	30%	60%

(\*): Công ty con đến ngày 15/8/2018. Sau đó, Công ty mất quyền biểu quyết gián tiếp nên Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 trở thành công ty liên kết.

- Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cửu Long	Xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy xe khách, xe buýt TMT	Xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh



## **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.\*



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### 03. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### 04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

Riêng quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	04 - 15 năm
-----------	-------------



**09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là phần lãi của giá trị hàng tồn kho đã bán có lãi cho công ty liên kết trong năm nhưng công ty liên kết chưa bán hàng tồn kho cho bên thứ 3, tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có)



liên quan đến các tài sản được tặng, biểu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.



***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua, lãi mua hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**20. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

***Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:***

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

#### *Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:*

##### **Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ hệ thống phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong hệ thống.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ hệ thống sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả hệ thống. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### **Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:**

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong hệ thống phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của các công ty con.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Đơn vị tính: VND*

### 01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	6.105.334.671	370.355.866
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.555.501.008	38.554.702.699
- Tiền đang chuyển	0	0
- Các khoản tương đương tiền	0	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>10.660.835.679</u></u>	<u><u>42.925.058.565</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000

**b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị tính theo phương pháp vốn chủ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý								
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	3.000.000.000	1.407.983.014	3.000.000.000	(*)	1.407.983.014	1.407.983.014	0	0	0	0	0	0
<b>Cộng</b>	3.000.000.000	1.407.983.014	3.000.000.000	0	1.407.983.014	1.407.983.014	0	0	0	0	0	0

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng					
- Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	679.000	(266.200)	679.000	(151.000)	679.000	412.800	679.000	(151.000)	528.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	(322.830)	394.530	(317.430)	394.530	71.700	394.530	(317.430)	77.100
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	0	0	0	0	500.000.000	0	500.000.000	0	(*)
<b>Cộng</b>	1.073.530	(589.030)	1.073.530	(468.430)	501.073.530	484.500	501.073.530	(468.430)	

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8 chưa xác định giá trị hợp lý do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>203.453.530.496</b>	<b>566.091.010.894</b>
- Công ty Cổ phần Ô tô Phương Kháng	0	57.133.139.829
- Công ty TNHH Bình Dương	0	232.225.234.001
- Công ty TNHH Ô tô KMT	0	122.513.122.100
- Công ty CP đầu tư thương mại H&H Hà Nội	54.768.500.000	0
- Công ty cổ phần kinh doanh và dịch vụ số 8	43.431.206.123	14.416.088.000
- Công ty cổ phần phân phối SINOTRUK Việt Nam	63.017.000.000	0
- Ban quản lý dự án 3	11.748.344.053	17.059.980.417
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	30.488.480.320	122.743.446.547
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>203.453.530.496</b>	<b>566.091.010.894</b>

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	98.199.706.123	14.420.797.000

**04. Phải thu về cho vay**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25.067.500.000</b>	<b>0</b>
- Cho cán bộ công nhân viên vay <sup>(a)</sup>	0	0	25.067.500.000	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>25.067.500.000</b>	<b>0</b>

(a) Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>13.777.215.249</b>	<b>(836.085.962)</b>	<b>15.832.149.449</b>	<b>(3.836.585.962)</b>
- Tạm ứng	4.305.545.038	0	3.538.639.400	0
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.311.435.747	0	3.774.658.145	0
- Phải thu khác	592.162.155	(836.085.962)	8.518.851.904	(3.836.585.962)
+ Lãi phải thu về cho vay	0	0	1.770.911.766	0
+ Phải thu ông Phạm Văn Công	0	0	3.000.500.000	(3.000.500.000)
+ Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	423.331.199	0	0	0
+ Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai khấu trừ	1.457.427.273	0	0	0
+ Phải thu các đối tượng khác	2.687.313.837	(836.085.962)	3.747.440.138	(836.085.962)
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.777.215.249</b>	<b>(836.085.962)</b>	<b>15.832.149.449</b>	<b>(3.836.585.962)</b>

**06. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ông Phạm Văn Công	0	0	3.000.500.000	0
- Nhà máy cơ khí 120	500.000.000	0	500.000.000	0
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng và Phát Triển Kỹ Nghệ Việt Nam	1.342.966.056	671.483.028	1.342.966.056	671.483.028
- Các đối tượng khác	989.029.030	386.993.260	989.029.030	386.993.260
<b>Cộng</b>	<b>2.831.995.086</b>	<b>1.058.476.288</b>	<b>5.832.495.086</b>	<b>1.058.476.288</b>

**07. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	0	0	187.954.404	0
- Nguyên liệu, vật liệu	122.425.717.393	(3.151.483.579)	231.355.570.944	(693.212.826)
- Công cụ, dụng cụ	1.533.863.953	0	563.636.841	0
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	158.664.106.518	0	326.148.060.945	0
- Thành phẩm	270.864.032.887	(1.469.550.939)	431.880.809.729	(300.772.969)
- Hàng hoá	170.522.568.101	(4.084.463.613)	22.192.158.963	(516.272.797)
- Hàng gửi bán	337.040.102.152	0	535.895.088.881	0
<b>Cộng</b>	<b>1.061.050.391.004</b>	<b>(8.705.498.131)</b>	<b>1.548.223.280.707</b>	<b>(1.510.258.592)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 800.468.500.000 đồng.

**08. Tài sản dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Mua sắm	2.030.150.000	0
- Xây dựng cơ bản	68.627.392.604	69.077.857.182
+ Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô	50.847.411.709	52.947.658.531
+ Showroom tại Hà Nội	0	7.027.244.155
+ Showroom tại thành phố Hồ Chí Minh	9.694.188.365	1.688.467.518
+ Phân xưởng giáo	3.090.770.232	2.811.743.037
+ Dự án khác	4.995.022.298	4.602.743.941
<b>Cộng</b>	<b><u>70.657.542.604</u></b>	<b><u>69.077.857.182</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>207.793.829.178</b>	<b>157.256.099.139</b>	<b>47.379.282.732</b>	<b>1.562.785.348</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>418.040.177.125</b>
- Mua trong năm		0	250.000.000	174.138.545	129.401.000	0	553.539.545
- Điều chuyển từ hàng tồn kho		0	0	1.458.133.998	0	0	1.458.133.998
- Giảm do thanh lý công ty con		(11.118.104.300)	(1.688.360.202)	(21.839.522.973)	(94.893.182)	0	(34.740.880.657)
- Thanh lý, nhượng bán		0	(90.929.800)	(1.422.520.043)	0	0	(1.513.449.843)
- Giảm khác		(49.110.000)	0	0	0	0	(49.110.000)
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>196.626.614.878</b>	<b>155.726.809.137</b>	<b>25.749.512.259</b>	<b>1.597.293.166</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>383.748.410.168</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>		<b>70.116.021.294</b>	<b>49.617.782.679</b>	<b>21.972.593.950</b>	<b>1.534.104.791</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>147.288.683.442</b>
- Khấu hao trong năm		8.202.521.006	8.810.938.989	3.006.014.914	5.833.332	0	20.025.308.241
- Giảm do thanh lý công ty con		(5.315.109.813)	(908.101.171)	(8.429.912.622)	(94.893.182)	0	(14.748.016.788)
- Thanh lý, nhượng bán		0	(90.929.800)	(1.422.520.043)	0	0	(1.513.449.843)
- Giảm khác		(26.195.000)	0	0	0	0	(26.195.000)
<b>Số dư cuối năm</b>		<b>72.977.237.487</b>	<b>57.429.690.697</b>	<b>15.126.176.199</b>	<b>1.445.044.941</b>	<b>4.048.180.728</b>	<b>151.026.330.052</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>		<b>137.677.807.884</b>	<b>107.638.316.460</b>	<b>25.406.688.782</b>	<b>28.680.557</b>	<b>0</b>	<b>270.751.493.683</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>		<b>123.649.377.391</b>	<b>98.297.118.440</b>	<b>10.623.336.060</b>	<b>152.248.225</b>	<b>0</b>	<b>232.722.080.116</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 86.782.894.909 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 173.170.099.912 VND và 5.425.762.487 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>158.939.000</i>	<i>50.578.939.000</i>
- Mua trong năm	0	77.000.000	77.000.000
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>235.939.000</i>	<i>50.655.939.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>0</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
- Khấu hao trong năm	0	12.833.334	12.833.334
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>0</i>	<i>171.772.334</i>	<i>171.772.334</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>0</i>	<i>50.420.000.000</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>50.420.000.000</i>	<i>64.166.666</i>	<i>50.484.166.666</i>

(\*): Là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất số 698, 699 tờ bản đồ số 8 xã Tân Thới Hiệp H.HM phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 158.939.000 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 50.420.000.000 đồng.

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>				
<i>Số đầu năm</i>	<i>7.938.225.549</i>	<i>0</i>	<i>7.938.225.549</i>	<i>0</i>
- Nhà	7.938.225.549	-	7.938.225.549	0
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số đầu năm</i>	<i>3.271.286.713</i>	<i>345.834.841</i>	<i>3.617.121.554</i>	<i>0</i>
- Nhà	3.271.286.713	345.834.841	3.617.121.554	0
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>				
<i>Số đầu năm</i>	<i>4.666.938.836</i>	<i>0</i>	<i>4.666.938.836</i>	<i>0</i>
- Nhà	4.666.938.836	0	4.666.938.836	0

Giảm bất động sản đầu tư trong năm do thanh lý công ty con.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.258.246.580</b>	<b>5.309.628.084</b>
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.786.608	362.466.545
- Chi phí vận chuyển hàng gửi bán	4.838.651.251	3.814.963.251
- Các khoản khác	1.350.808.721	1.132.198.288
<b>b. Dài hạn</b>	<b>22.570.566.016</b>	<b>23.700.433.340</b>
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.326.204.830	2.355.230.659
- Chi phí sửa chữa	2.490.585.744	4.827.804.437
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	13.686.354.022	14.265.103.003
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.067.421.420	2.252.295.241
<b>Cộng</b>	<b>28.828.812.596</b>	<b>29.010.061.424</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	314.817.706	804.735.460
- Số bù trừ với khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
<b>Tổng</b>	<b>314.817.706</b>	<b>804.735.460</b>

**14. Lợi thế thương mại**

	<u>Giá trị lợi thế thương mại đầu năm</u>	<u>Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng</u>	<u>Số đã phân bổ trong năm</u>	<u>Giá trị còn lại cuối năm</u>
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	10.419.676.839	0	1.736.612.806	8.683.064.033
<b>Cộng</b>	<b>10.419.676.839</b>	<b>0</b>	<b>1.736.612.806</b>	<b>8.683.064.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>1.584.889.079.488</b>	<b>1.584.889.079.488</b>	<b>1.669.375.187.363</b>	<b>2.266.104.659.482</b>	<b>35.544.975.636</b>	<b>952.614.631.733</b>	<b>952.614.631.733</b>	
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>1.496.379.215.852</i>	<i>1.496.379.215.852</i>	<i>1.164.378.565.545</i>	<i>2.008.403.737.664</i>	<i>21.475.612.000</i>	<i>630.878.431.733</i>	<i>630.878.431.733</i>	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	800.000.000	800.000.000	62.163.000.000	61.263.000.000	1.700.000.000	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam <sup>(a)</sup>	464.095.273.520	464.095.273.520	491.798.075.135	632.223.904.795	0	323.669.443.860	323.669.443.860	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh <sup>(b)</sup>	137.010.797.826	137.010.797.826	295.526.844.140	271.129.433.500	0	161.408.208.466	161.408.208.466	
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	98.190.674.578	98.190.674.578	0	98.190.674.578	0	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam <sup>(c)</sup>	197.496.315.032	197.496.315.032	136.102.435.134	229.707.577.485	0	103.891.172.681	103.891.172.681	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(d)</sup>	251.445.088.354	251.445.088.354	88.027.611.963	325.853.356.903	0	13.619.343.414	13.619.343.414	
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	174.622.936.583	174.622.936.583	0	174.622.936.583	0	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Minh Khai <sup>(e)</sup>	55.361.637.028	55.361.637.028	43.808.125.791	76.778.089.619	0	22.391.673.200	22.391.673.200	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(f)</sup>	14.629.192.969	14.629.192.969	19.429.133.382	28.159.736.239	0	5.898.590.112	5.898.590.112	
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	99.907.299.962	99.907.299.962	0	99.907.299.962	0	0	0	
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu - CN Thăng Long	2.820.000.000	2.820.000.000	13.350.460.000	10.320.000.000	5.830.460.000	0	0	
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	0	0	14.192.880.000	247.728.000	13.945.152.000	0	0	



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<b>61.771.500.000</b>	<b>61.771.500.000</b>	<b>479.857.890.000</b>	<b>232.659.740.000</b>	<b>10.675.000.000</b>	<b>298.294.650.000</b>	<b>298.294.650.000</b>		
+ Công ty TNHH Bình Dương	8.141.500.000	8.141.500.000	14.411.700.000	22.553.200.000	0	0	0		
+ Công ty TNHH MTV Đông Phát <sup>(s)</sup>	14.460.000.000	14.460.000.000	10.532.700.000	7.500.000.000	0	17.492.700.000	17.492.700.000		
+ Công ty CP Cơ khí Chính xác	0	0	45.000.000.000	45.000.000.000	0	0	0		
+ Ông Bùi Văn Hữu <sup>(b)</sup>	27.320.000.000	27.320.000.000	121.000.000.000	74.670.000.000	0	73.650.000.000	73.650.000.000		
+ Ông Bùi Quốc Công <sup>(l)</sup>	0	0	30.358.000.000	19.358.000.000	0	11.000.000.000	11.000.000.000		
+ Bà Trịnh Thị Hồng Lệ <sup>(l)</sup>	0	0	66.927.000.000	0	0	66.927.000.000	66.927.000.000		
+ Bà Vũ Thủy Vân <sup>(l)</sup>	0	0	39.832.130.000	0	0	39.832.130.000	39.832.130.000		
+ Vay các đối tượng khác <sup>(l)</sup>	11.850.000.000	11.850.000.000	151.796.360.000	63.578.540.000	10.675.000.000	89.392.820.000	89.392.820.000		
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>26.738.363.636</b>	<b>26.738.363.636</b>	<b>25.138.731.818</b>	<b>25.041.181.818</b>		<b>23.441.550.000</b>	<b>23.441.550.000</b>		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(s)</sup>	4.400.000.000	4.400.000.000	3.310.000.000	4.400.000.000	0	3.310.000.000	3.310.000.000		
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(l)</sup>	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	0	11.000.000.000	11.000.000.000		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội <sup>(b)</sup>	7.944.000.000	7.944.000.000	9.131.550.000	7.944.000.000	0	9.131.550.000	9.131.550.000		
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.394.363.636	3.394.363.636	1.697.181.818	1.697.181.818	3.394.363.636	0	0		
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>89.951.986.366</b>	<b>89.951.986.366</b>	<b>12.383.812.500</b>	<b>30.298.281.818</b>		<b>68.364.312.500</b>	<b>68.364.312.500</b>		
<i>Ờ 1 năm đến 5 năm</i>	<b>77.428.386.366</b>	<b>77.428.386.366</b>	<b>9.909.750.000</b>	<b>25.138.731.818</b>		<b>58.526.200.000</b>	<b>58.526.200.000</b>		
- <i>Vay ngắn hạn</i>	<b>77.428.386.366</b>	<b>77.428.386.366</b>	<b>9.909.750.000</b>	<b>25.138.731.818</b>		<b>58.526.200.000</b>	<b>58.526.200.000</b>		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(s)</sup>	3.310.000.000	3.310.000.000	0	3.310.000.000	0	0	0		

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm			Trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng <sup>(a)</sup>	33.000.000.000	33.000.000.000	0	11.000.000.000	0	22.000.000.000	22.000.000.000		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội <sup>(a)</sup>	35.748.000.000	35.748.000.000	9.909.750.000	9.131.550.000	0	36.526.200.000	36.526.200.000		
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.370.386.366	5.370.386.366	1.697.181.818	1.697.181.818	3.673.204.548	0	0		
<b>Trên 5 năm</b>	<b>12.523.600.000</b>	<b>12.523.600.000</b>	<b>2.474.062.500</b>	<b>5.159.550.000</b>		<b>9.838.112.500</b>	<b>9.838.112.500</b>		
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>12.523.600.000</i>	<i>12.523.600.000</i>	<i>2.474.062.500</i>	<i>5.159.550.000</i>		<i>9.838.112.500</i>	<i>9.838.112.500</i>		
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội <sup>(a)</sup>	12.523.600.000	12.523.600.000	2.474.062.500	5.159.550.000	0	9.838.112.500	9.838.112.500		
- <i>Vay đối tượng khác</i>	0	0	0	0	0	0	0		
<b>Cộng</b>	<b>1.674.841.065.854</b>	<b>1.674.841.065.854</b>	<b>1.681.758.999.863</b>	<b>2.296.402.941.300</b>	<b>39.218.180.184</b>	<b>1.020.978.944.233</b>	<b>1.020.978.944.233</b>		

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

- (a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi 9%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.
- (b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 8,5%/năm đến 9%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (c): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam với lãi suất 9,3%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (d): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 8,4%/năm đến 8,7%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long.
- (e): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam với lãi suất 6,9%/năm đến 7,7%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.



## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (f) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam với lãi suất 8,0%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy Ô tô Cửu Long.
- (g) Khoản vay Công ty TNHH MTV Đông Phát với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất vay là 1%/năm.
- (h) Khoản vay tín chấp ông Bùi Văn Hữu với lãi suất trong năm từ 1% đến 9%/năm.
- (i) Khoản vay ngắn hạn cá nhân với thời hạn vay 12 tháng, lãi suất từ 6,1% đến 9%/năm và được đảm bảo bằng tín chấp.
- (j) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1200-LAV-201500685 ngày 27 tháng 7 năm 2015 tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở giao dịch với mục đích cải tạo, phục hồi thiết bị vận hành, chạy thử và đưa vào dây chuyền sơn ED với thời hạn vay tối đa 04 năm, kỳ hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ hạn trả nợ lãi cùng kỳ trả nợ gốc. Lãi suất bằng lãi suất huy động trả sau + 3,7%/năm, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là 01 dây chuyền sơn ED.
- (k) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 399/2016/HDCV/PVBHBT\_TMT tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam ngày 28 tháng 10 năm 2016 với mục đích hoàn vốn chi phí đối với khoản đầu tư vào nhà máy sản xuất lắp ráp xe ô tô tải hạng trung, hạng nặng, thời hạn cho vay 05 năm được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ quyền thuê đất tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và một số máy móc thiết bị tại Nhà máy ô tô Cửu Long. Lãi suất vay áp dụng trong kỳ là 10,75%/năm.
- (l) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0008/2016/HDTDTDH-PN/SHB.110207 ngày 29 tháng 7 năm 2016 với mục đích cho vay đầu tư xây dựng trung tâm showroom và tổng kho – Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn cho vay 08 năm được đảm bảo bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai. Lãi suất vay áp dụng trong kỳ là 10%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**16. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>133.932.244.292</b>	<b>133.932.244.292</b>	<b>415.510.194.275</b>	<b>415.510.194.275</b>
- Công ty Sinotruck - Hồng Kông	0	0	194.751.259.900	194.751.259.900
- Chongqing Shuguang Pant Industry Co.,Ltd	0	0	0	0
- Shandong kama automobile manufacturing co., Ltd	19.426.548.400	19.426.548.400	22.325.684.300	22.325.684.300
- Shangdong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	15.324.226.156	15.324.226.156	97.031.825.717	97.031.825.717
- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	17.125.042.710	17.125.042.710	17.565.509.784	17.565.509.784
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	82.056.427.026	82.056.427.026	83.835.914.574	83.835.914.574
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>133.932.244.292</b>	<b>133.932.244.292</b>	<b>415.510.194.275</b>	<b>415.510.194.275</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu		Số phải nộp		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Biến động khác (*)	Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	đầu năm	đầu năm	đầu năm	trong năm				cuối năm	cuối năm		
- Thuế GTGT đầu ra	0	9.943.643.373	59.353.784.952	55.042.665.829	0	0	0	0	14.254.762.496	0	0
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	0	19.076.336.659	19.076.336.659	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	1	197.979.796	197.979.797	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế xuất nhập khẩu	14.645.206	0	21.424.207.874	21.409.562.668	0	0	0	0	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	2.414.499.365	2.155.713.341	3.166.847.234	51.535.442	0	0	0	0	1.454.900.914	0
- Thuế thu nhập cá nhân	0	501.789.719	1.333.480.637	1.751.693.247	(46.149.999)	0	0	0	33.399.691	70.826.801	0
- Thuế tài nguyên	0	310.000	3.650.000	3.650.000	0	0	0	0	0	310.000	0
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	63.193.964	10.362.576.246	4.695.403.881	(3.947.016.979)	0	0	0	0	1.783.349.350	0
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	0	7.000.000	10.000.000	0	0	0	0	3.000.000	0	0
- Phí, lệ phí và các khoản khác	0	3.056.122	2.982.723.049	7.000.000	0	0	0	0	0	2.978.779.171	0
<b>Cộng</b>	<b>14.645.206</b>	<b>12.926.492.544</b>	<b>116.897.452.554</b>	<b>105.361.139.315</b>	<b>(3.941.631.536)</b>	<b>105.361.139.315</b>	<b>(3.941.631.536)</b>	<b>36.399.691</b>	<b>20.542.928.732</b>	<b>20.542.928.732</b>	<b>20.542.928.732</b>

(\*) : Biến động khác do thanh lý công ty con trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**18. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>10.398.768.814</b>	<b>9.073.334.269</b>
- Chi phí lãi vay	2.802.123.969	3.292.851.265
- Chi phí vận chuyển	1.569.150.371	1.950.777.117
- Chi phí chính sách bán hàng	2.025.766.000	0
- Các khoản trích trước khác	4.001.728.474	3.829.705.887
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>10.398.768.814</b>	<b>9.073.334.269</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>12.119.018.263</b>	<b>11.641.405.181</b>
- Kinh phí công đoàn	7.176.553.635	6.198.304.943
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.672.729.627	1.870.554.286
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.269.735.001	2.454.445.952
<b>b. Dài hạn</b>	<b>16.610.400.000</b>	<b>17.545.934.500</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.600.000.000	17.535.534.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.400.000	10.400.000
<b>Cộng</b>	<b>28.729.418.263</b>	<b>29.187.339.681</b>

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.574.088.528</b>	<b>0</b>
- Doanh thu nhận trước	0	0
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (*)	1.574.088.528	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.574.088.528</b>	<b>0</b>

(\*): Là phần lãi của giá trị hàng tồn kho đã bán có lãi cho công ty liên kết trong năm nhưng công ty liên kết chưa bán hàng tồn kho cho bên thứ 3, tương ứng với tỷ lệ góp vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>15.467.214.755</b>	<b>12.323.852.956</b>	<b>36.267.914.350</b>	<b>429.694.579.634</b>
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	8.837.618.910	2.496.254.944	11.333.873.854
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty mẹ	0	0	0	0	1.427.689.083	(2.855.378.166)	0	(1.427.689.083)
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	0	0	0	0	41.050.701	(230.597.914)	(587.044.125)	(776.591.338)
Cổ tức bằng cổ phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0
Tăng/giảm khác do thay đổi tỷ lệ sở hữu	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>956.560.833</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>16.935.954.539</b>	<b>18.075.495.786</b>	<b>38.177.125.169</b>	<b>438.824.173.067</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	1.166.073.099	34.550.002	1.200.623.101
Lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	255.224.608	(1.002.536.804)	(3.618.862.285)	(4.366.174.481)
Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty mẹ	0	(595.833.209)	0	0	(1.174.510.539)	1.722.605.928	(33.792.022.964)	(33.839.760.784)
Phân phối lợi nhuận trong năm tại Công ty con	0	0	0	0	0	0	0	0
Tăng/giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>360.727.624</b>	<b>483.226.387</b>	<b>(8.680.989.647)</b>	<b>16.016.668.608</b>	<b>19.961.638.009</b>	<b>2.000.789.922</b>	<b>403.018.860.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33,00	123.057.040.000	33,00
+ Ông Lê Tiến Phan	18.974.610.000	5,09	18.974.610.000	5,09
+ Ông Bùi Quốc Công	38.828.490.000	10,41	38.828.490.000	10,41
+ Ông Bùi Văn Kiên	24.834.350.000	6,66	24.834.350.000	6,66
+ Công ty CP chứng khoán Asean	0	-	40.000.000.000	10,73
+ Các đối tượng khác	167.182.310.000	44,84	127.182.310.000	34,11
<b>Cộng</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>	<b>372.876.800.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu phổ thông	37.287.680	37.287.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ Cổ phiếu phổ thông	409.700	409.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu phổ thông	36.877.980	36.877.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
- USD	USD	10.395,50	5.621,46
- EUR	EUR	422,95	398,04
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>			
- Xe ô tô tài nhận giữ hộ	Xe	134	0
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	VND	11.169.734.400	11.319.786.900



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	75.731.999.912	223.534.900.388
- Doanh thu bán thành phẩm	1.176.802.392.384	2.066.170.591.234
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.910.645.144	25.558.913.328
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	15.119.874.440	21.227.149.120
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	0	47.089.909
- Doanh thu khác	154.477.031	196.987.959
<b>Cộng</b>	<b><u>1.281.719.388.911</u></b>	<b><u>2.336.735.631.938</u></b>

**Trong đó:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	219.868.925.182	115.392.968.185

**02. Giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	0	8.181.818
- Hàng bán bị trả lại	2.727.273	390.787.273
<b>Cộng</b>	<b><u>2.727.273</u></b>	<b><u>398.969.091</u></b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.919.775.799	303.367.971.827
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.014.299.810.270	1.758.690.821.372
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.251.814.460	19.906.519.270
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	8.485.005.628	9.751.182.570
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	0	76.359.338
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.195.239.539	246.654.839
- Giá vốn các hoạt động khác	137.094.924	0
<b>Cộng</b>	<b><u>1.118.288.740.620</u></b>	<b><u>2.092.039.509.216</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.448.172.680	2.233.026.911
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.000.000	40.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	427.502.619	1.901.214.659
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	0	16.177.568
- Lãi do thanh lý công ty con	62.095.761.278	0
<b>Cộng</b>	<b><u>68.011.436.577</u></b>	<b><u>4.190.419.138</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	113.265.170.366	123.511.195.320
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	9.200.679.215	0
- Phí chuyển nhượng khoản đầu tư	269.857.188	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.850.087.884	5.036.884.887
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	120.600	(94.800)
- Chi phí tài chính khác	82.644.297	0
<b>Cộng</b>	<b>125.668.559.550</b>	<b>128.547.985.407</b>

**06. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.865.806.524	9.059.302.909
- Các khoản khác	1.144.195.334	1.525.876.885
<b>Cộng</b>	<b>4.010.001.858</b>	<b>10.585.179.794</b>

**07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí dự án không thực hiện	2.100.246.822	0
- Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp bảo hiểm, phạt chậm nộp	4.047.346.746	234.303.800
- Lỗ thanh lý TSCĐ	0	532.173.436
- Các khoản khác	511.125.552	234.933.852
<b>Cộng</b>	<b>6.658.719.120</b>	<b>1.001.411.088</b>

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>55.414.784.064</b>	<b>54.753.804.619</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	29.952.550.063	26.417.427.549
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.806.325.696	3.711.093.064
- Chi phí dự phòng	(3.000.500.000)	0
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.019.213.684	17.479.348.604
- Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	1.736.612.806	1.736.612.806
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.900.581.815	5.409.322.596
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>43.773.840.831</b>	<b>59.286.711.705</b>
- Chi phí nhân viên	12.395.446.609	13.628.206.459
- Chi phí khấu hao TSCĐ	180.947.078	156.012.776
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.216.881.071	37.888.112.728
- Chi phí Bảo hành khuyến mại	1.511.092.946	3.383.849.753
- Chi phí trả cho nhân viên của đại lý	2.840.062.000	3.414.100.000
- Chi phí khác	1.629.411.127	816.429.989
<b>Cộng</b>	<b>99.188.624.895</b>	<b>114.040.516.324</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.155.713.341	4.869.353.708
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.155.713.341</b>	<b>4.869.353.708</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(314.817.706)	(804.735.460)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	804.735.460	84.347.642
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>489.917.754</b>	<b>(720.387.818)</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0	0
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	36.877.980
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>32</b>	<b>240</b>

(\*): Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

**12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.166.073.099	8.837.618.910
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	0	0
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.877.980	36.877.980
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	0	0
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>32</b>	<b>240</b>

(\*): Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	441.048.403.949	1.895.557.741.694
- Chi phí nhân công	96.504.994.116	107.181.717.242
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.383.976.416	20.634.191.460
- Chi phí trả cho nhân viên đại lý	2.840.062.000	6.615.600.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.504.427.629	28.253.018.459
- Chi phí khác	24.100.089.990	59.994.325.479
<b>Cộng</b>	<b>641.381.954.100</b>	<b>2.118.236.594.334</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	0	2.312.220.421

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**02. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Bùi Văn Hữu – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
- Vay ngắn hạn	121.000.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	74.670.000.000	2.280.000.000
- Chi phí đi vay	4.086.118.886	2.632.338.000
- Chi cho vay vốn	0	7.000.000.000
- Thu tiền lại tiền cho vay vốn	0	7.000.000.000
- Lãi cho vay vốn	0	94.500.000
<b>Ông Bùi Quốc Công - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc</b>		
- Vay ngắn hạn	30.358.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	19.358.000.000	0
- Lãi cho vay vốn	332.816.986	0
<b>Ông Trịnh Xuân Nhâm - Phó Tổng Giám đốc</b>		
- Vay ngắn hạn	8.500.000.000	0
- Trả nợ vay ngắn hạn	8.500.000.000	0
- Lãi cho vay vốn	82.974.900	0



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <u>Số đầu năm</u>
<b>Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	73.650.000.000	27.320.000.000
<b>Ông Bùi Quốc Công - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc</b>		
+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.000.000.000	0
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<u>84.650.000.000</u>	<u>27.320.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	4.915.746.000	4.547.012.400
<b>Cộng</b>	<u>4.915.746.000</u>	<u>4.547.012.400</u>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Công ty con đến ngày 15/8/2018, ông Bùi Văn Hữu là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8 đến ngày 10/01/2019.
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	Công ty con đến ngày 15/8/2018, Công ty liên kết từ ngày 16/8/2018
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại H&H Hà Nội	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu</b>	<b>219.868.925.182</b>	<b>115.392.968.185</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	52.382.260.882	78.886.959.099
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	91.012.391.576	36.506.009.086
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	76.474.272.724	0
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>10.082.041.251</b>	<b>36.489.588.838</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	10.082.041.251	36.489.588.838
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>4.132.914.800</b>	<b>590.416.399</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	4.132.914.800	590.416.399
<b>Chiết khấu thanh toán</b>	<b>3.533.191.564</b>	<b>4.440.375.002</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	3.533.191.564	4.440.375.002
<b>Trả vay ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>5.300.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	0	5.300.000.000
<b>Lãi tiền vay</b>	<b>0</b>	<b>119.250.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	0	119.250.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>Góp vốn bằng tài sản</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>119.250.000</b>
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	3.000.000.000	0
<b>Chuyển nhượng tài sản</b>	<b>4.012.244.545</b>	<b>0</b>
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	4.012.244.545	0

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>98.199.706.123</b>	<b>14.420.797.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại H&H Hà Nội	54.768.500.000	0
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	43.431.206.123	14.420.797.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>423.331.199</b>	<b>2.962.525.781</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	423.331.199	590.416.399
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8	0	2.372.109.382
<b>Cộng các khoản phải thu</b>	<b>98.623.037.322</b>	<b>17.383.322.781</b>

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>2.297.064.083</b>	<b>3.029.523.517</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	2.297.064.083	3.029.523.517
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>17.045.689.244</b>	<b>38.448.848.744</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	17.045.689.244	38.448.848.744
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>1.193.924.373</b>	<b>2.165.917.814</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	1.193.924.373	2.165.917.814
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng công nợ phải trả</b>	<b>20.836.677.700</b>	<b>43.944.290.075</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận tải;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô;
- Gia công cấu kiện thép;
- Lĩnh vực khác: Xây dựng công trình giao thông; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khác và đầu tư tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận tải	Kinh doanh xe ô tô	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
<b>Năm nay</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.168.611.212.179	13.404.792.025	67.876.064.998	8.188.452.932	85.731.900.782	1.343.812.422.916
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.200.226.844.869	21.087.840.285	74.757.197.919	5.803.812.837	35.441.755.548	1.337.317.451.458
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(31.615.632.690)	(7.683.048.260)	(6.881.132.921)	2.384.640.095	50.290.145.234	6.494.971.458
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	8.955.364.258,00	102.724.323,00	520.151.510,00	62.750.193,00	656.985.310,00	10.297.975.594
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	18.154.448.427	208.244.284	1.054.458.924	127.208.130	1.331.850.452	20.876.210.217
<b>Số dư cuối năm</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.441.273.437.157	0	222.191.217.538	4.047.049.653	13.090.360.414	1.680.602.064.762
- Tài sản không phân bổ						21.102.367.226
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.441.273.437.157</b>	<b>0</b>	<b>222.191.217.538</b>	<b>4.047.049.653</b>	<b>13.090.360.414</b>	<b>1.701.704.431.988</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.194.424.592.939	0	69.375.375.198	8.369.327.162	24.158.236.727	1.296.327.532.026
- Nợ phải trả không phân bổ						2.358.039.059
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.194.424.592.939</b>	<b>0</b>	<b>69.375.375.198</b>	<b>8.369.327.162</b>	<b>24.158.236.727</b>	<b>1.298.685.571.085</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Sản xuất, lắp ráp ô tô	Dịch vụ vận tải	Kinh doanh xe ô tô	Giá công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm trước</b>						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.053.667.423.699	24.632.578.509	217.905.783.188	12.104.198.444	28.026.679.007	2.336.336.662.847
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	1.963.650.255.101	21.951.151.344	319.982.793.410	5.830.390.197	19.023.001.757	2.330.437.591.809
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	90.017.168.598	2.681.427.165	(102.077.010.222)	6.273.808.247	9.003.677.250	5.899.071.038
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	100.934.772.704	1.210.655.476	10.709.752.925	594.903.783	1.377.470.589	114.827.555.477
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.279.203.609	2.004.713.870	582.189.366	1.430.021.264	376.646.918	11.672.775.027
<b>Số dư cuối năm trước</b>						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.443.848.044.328	11.583.775.946	171.100.488.077	5.692.149.636	13.179.893.855	2.645.404.351.842
- Tài sản không phân bổ					79.262.840.504	79.262.840.504
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.443.848.044.328</b>	<b>11.583.775.946</b>	<b>171.100.488.077</b>	<b>5.692.149.636</b>	<b>13.179.893.855</b>	<b>2.724.667.192.346</b>
- Nợ phải trả bộ phận	1.849.101.568.317	20.807.680.025	378.821.060.408	10.224.682.245	23.674.751.254	2.282.629.742.249
- Nợ phải trả không phân bổ					3.213.277.030	3.213.277.030
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.849.101.568.317</b>	<b>20.807.680.025</b>	<b>378.821.060.408</b>	<b>10.224.682.245</b>	<b>23.674.751.254</b>	<b>2.285.843.019.279</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**  
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.660.835.679	0	42.925.058.565	0	10.660.835.679	42.925.058.565
Phải thu khách hàng và phải thu khác	204.045.692.651	(1.773.518.798)	571.071.223.398	(4.774.018.798)	202.272.173.853	566.297.204.600
Phải thu về cho vay	0	0	25.067.500.000	0	0	25.067.500.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	350.000.000	0	350.000.000	0	350.000.000	350.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.073.530	(589.030)	501.073.530	(468.430)	484.500	500.605.100
<b>Cộng</b>	<b>215.057.601.860</b>	<b>(1.774.107.828)</b>	<b>639.914.855.493</b>	<b>(4.774.487.228)</b>	<b>213.283.494.032</b>	<b>635.140.368.265</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	133.932.244.292	415.510.194.275	133.932.244.292	415.510.194.275
Vay và nợ	1.020.978.944.233	1.674.841.065.854	1.020.978.944.233	1.674.841.065.854
Chi phí phải trả	10.398.768.814	9.073.334.269	10.398.768.814	9.073.334.269
Các khoản phải trả khác	17.880.135.001	20.000.380.452	17.880.135.001	20.000.380.452
<b>Cộng</b>	<b>1.183.190.092.340</b>	<b>2.119.424.974.850</b>	<b>1.183.190.092.340</b>	<b>2.119.424.974.850</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 05. Tài sản đảm bảo

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07, V.09, V.10 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản cố định đã thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 là 170.915.827.070 đồng.

#### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

### 06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	133.932.244.292	0	0	133.932.244.292
Vay và nợ	952.614.631.733	58.526.200.000	9.838.112.500	1.020.978.944.233
Chi phí phải trả	10.398.768.814	0	0	10.398.768.814
Các khoản phải trả khác	1.269.735.001	16.610.400.000	0	17.880.135.001
<b>Cộng</b>	<b>1.098.215.379.840</b>	<b>75.136.600.000</b>	<b>9.838.112.500</b>	<b>1.183.190.092.340</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	415.510.194.275	0	0	415.510.194.275
Vay và nợ	1.584.889.079.488	77.428.386.366	12.523.600.000	1.674.841.065.854
Chi phí phải trả	9.073.334.269	0	0	9.073.334.269
Các khoản phải trả khác	2.454.445.952	17.545.934.500	0	20.000.380.452
<b>Cộng</b>	<b>2.011.927.053.984</b>	<b>94.974.320.866</b>	<b>12.523.600.000</b>	<b>2.119.424.974.850</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

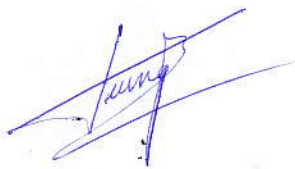
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Nghĩa Trung

Phụ trách phòng  
Tài chính Kế toán


Nguyễn Nghĩa Trung



Tổng Giám đốc

Bùi Văn Hữu